

TUẦN 2**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG HỌC MẾN YÊU****AN TOÀN GIAO THÔNG NỘI CÔNG TRƯỜNG (Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Sự khác nhau giữa đường đô thị và nông thôn. Các thành phần của một con đường. Vạch kẻ sang đường, vạch dừng.
- Giúp học sinh nhận biết được những nơi đi bộ an toàn.
- Giúp học sinh có thể tự đi bộ một mình an toàn khi tham gia giao thông. Tuân thủ theo tín hiệu đèn giao thông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: - File bài giảng; Video các tình huống an toàn giao thông.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV cho HS hát bài “Chúng em với ATGT” để khởi động bài học.
- GV nêu câu hỏi cho HS
 - + Các em thường đi bộ ở đâu?
 - + Hằng ngày em đến trường bằng gì?.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, kết nối dẫn dắt vào bài mới: Đi bộ ở những nơi nhiều xe đi lại là rất nguy hiểm. Người đi bộ phải tự biết bảo vệ mình tránh va chạm với các xe chạy trên đường. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu đường em tới trường.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')***a. Giới thiệu Đường em đến trường***

- GV cho học sinh xem tranh tình huống
- Chia lớp thành các nhóm, yêu cầu xem tranh và tìm hiểu theo các câu hỏi: +
Trong bức tranh, Bi và Bống đang đi bộ ở đâu? Nơi đó có an toàn không?
+ Bạn nào trong tranh đang đi bộ ở nơi không an toàn? Tại sao?
- Sau thời gian thảo luận, đại diện nhóm trả lời.
- GV nhận xét và kết luận và chốt đáp án đúng:
+ Bi và Bống đang đi bộ ở trên hè phố (còn gọi là vỉa hè). Nơi đó rất an toàn.

+ Có hai bạn đi bộ dưới lòng đường là không an toàn vì dễ bị va chạm với những chiếc xe đang chạy trên đường..

b. Tìm hiểu Đường đến trường-Đèn tín hiệu GT.

- GV nêu câu hỏi: *Theo các em, đi bộ ở những nơi nào thì mới bảo đảm an toàn trên đường em tới trường?*

*** GV bổ sung và nhấn mạnh**

Hãy đi bộ trên hè phố (hay còn gọi là vỉa hè) hoặc đi sát lề đường bên phải theo chiều đi của mình (ở những nơi không có hè phố) vì đây là nơi an toàn nhất dành cho người đi bộ.

- Sự khác nhau giữa đường đô thị và nông thôn.
- Các thành phần của một con đường.
- Vạch kẻ sang đường, vạch dừng.
- Màu sắc, ý nghĩa của các đèn tín hiệu giao thông và chấp hành tốt chỉ dẫn của đèn tín hiệu GT.
- Các loại phương tiện giao thông.
- Sự khác nhau giữa đường đô thị và nông thôn.
- Các thành phần của một con đường.
- Vạch kẻ sang đường, vạch dừng.
- Màu sắc, ý nghĩa của các đèn tín hiệu giao thông và chấp hành tốt chỉ dẫn của đèn tín hiệu GT.
- Các loại phương tiện giao thông.

3.Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- + GV tóm lược những điều học sinh cần nhớ
- Để bảo đảm an toàn, các em hãy đi bộ trên hè phố hoặc đi sát mép đường phía bên phải nếu không có hè phố/lề đường.
- Luôn chú ý quan sát tránh các phương tiện giao thông ngay cả khi đi bộ ở những khu vực an toàn.
- + Yêu cầu 1 hoặc 2 học sinh nhắc lại những điều tóm tắt trên.

GV nhấn mạnh: Luôn ghi nhớ và nhắc nhở những người trong gia đình và bạn bè cùng thực hiện đi bộ an toàn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG HỌC MẾN YÊU
LỚP HỌC CỦA CHÚNG EM (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS có khả năng làm việc, hợp tác theo nhóm để thực hiện trang trí, lao động vệ sinh lớp học. Biết giữ an toàn trong khi trang trí lớp học, biết làm việc nhóm.
- HS tự chủ, tự học: Tự tìm hiểu cách trang trí lớp học đẹp, trang nhã để tham gia trang trí cùng với lớp, phù hợp với nội quy nhà trường. Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về cách trang trí lớp học.
- Tôn trọng bạn, biết lắng nghe những chia sẻ trang trí lớp mà bạn đưa ra. Chịu khó tìm hiểu cách trang trí lớp để giới thiệu với các bạn những ý tưởng trang trí lớp phù hợp, sáng tạo, làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: - File bài giảng.

HS: Giấy màu thủ công, giấy A4, kéo, bút chì, bút màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV tổ chức vận động theo nhạc bài hát “Vui đến trường”.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')**a. Trang trí lớp học (làm việc chung cả lớp)**

- GV mời HS đọc yêu cầu.
- GV chia lớp thành nhóm 4 (nhóm đã chia tuần trước).
- GV mời một số HS nhắc lại ý tưởng trang trí lớp học và nhấn mạnh việc đảm bảo an toàn khi thực hiện.

- GV yêu cầu các nhóm kiểm tra đồ dùng, dụng cụ đã chuẩn bị.



- GV quan sát và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết, khen ngợi tinh thần tích cực tham gia trang trí lớp học của HS.
- GV khen ngợi những nhóm có tinh thần hợp tác tốt và hoàn thành sản phẩm trang trí lớp học đẹp, ấn tượng.

tượng.

- GV mời HS trình bày trước lớp.
- GV mời các HS khác nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

b. Vệ sinh lớp học. (Làm việc chung cả lớp).

- GV Mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV tổ chức cho các nhóm tự dọn dẹp đồ dùng, dụng cụ và vệ sinh khu vực lớp học sau khi trang trí.



c. Chia sẻ kết quả và cảm nghĩ của em sau khi trang trí lớp học (hoạt động nhóm 4).

- GV Mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV sử dụng kĩ thuật “phòng tranh”:
- + HS đi tham quan các khu vực lớp học đã được trang trí.
- + Mỗi nhóm chia sẻ 3 điều nhóm mình thấy hài lòng sau khi trang trí và 3 việc nhóm mình sẽ làm để giữ gìn lớp học sạch đẹp.
- GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ trước lớp.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV khen ngợi sự sáng tạo của các nhóm khi trang trí lớp học.
- **GV kết luận:** *Lớp học được trang trí, vệ sinh sạch đẹp sẽ là môi trường thuận lợi để các em học tập và vui chơi.*
- GV khen ngợi sự sáng tạo và tinh thần tham gia của HS, đồng thời khuyến khích HS phát huy điều đó để lớp học luôn sạch đẹp.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập để cuối tuần cùng chung tay sáng tạo tranh về chủ đề “*Trường lớp thân yêu*”.
- Nhận xét sau tiết dạy, tuyên dương những học sinh khéo tay và có nhiều sáng tạo.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG HỌC MẾN YÊU****SINH HOẠT CUỐI TUẦN: SÁNG TẠO TRANH VỀ CHỦ ĐỀ “TRƯỜNG LỚP THÂN YÊU” (Tiết 6)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh thể hiện tình cảm yêu quý, gắn bó với trường lớp. Học sinh có ý thức vệ sinh, giữ gìn trường lớp sạch đẹp.
- hs tự chủ, tự học: Biết chuẩn bị các đồ dùng, dụng cụ để tham gia sáng tạo tranh về chủ đề *Trường lớp thân yêu*. Biết vẽ sáng tạo tranh về chủ đề *Trường lớp thân yêu*. Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về cách trang trí lớp học.
- tôn trọng bạn, biết lắng nghe những chia sẻ về bức tranh sáng tạo tranh về chủ đề *Trường lớp thân yêu* mà bạn đưa ra. Chịu khó tìm hiểu cách sáng tạo tranh về chủ đề *Trường lớp thân yêu* để giới thiệu với các bạn, làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: - File bài giảng.

HS: - Giấy màu thủ công, giấy A4, kéo, bút chì, bút màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV tổ chức vận động theo bài hát “Trường học thân thiện”.
- + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (23 – 25')**a. Đánh giá kết quả cuối tuần 2. (Làm việc nhóm 2)**

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.
- HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
- + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
- + Kết quả học tập.
- + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV yêu cầu các tổ, nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần).

b. Kế hoạch tuần 3. (Làm việc nhóm 4)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
- HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.
- + Thực hiện nền nếp trong tuần.
- + Thi đua học tập tốt.
- + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

c. Sáng tạo tranh về chủ đề *Trường lớp thân yêu*. (Làm việc theo nhóm 6).

- GV Mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS chuẩn bị: các loại hạt, giấy, bút màu, vật liệu tái chế, kéo, hồ dán,...
- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 6: Thảo luận sáng tạo tranh về chủ đề ***Trường lớp thân yêu***.
- GV phổ biến yêu cầu: Các nhóm sử dụng các vật liệu đã chuẩn bị để sáng tạo tranh về chủ đề ***Trường lớp thân yêu***. GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm còn lúng túng hoàn thành.
- GV mời một số HS lên chia sẻ trước lớp theo các câu hỏi gợi ý sau:
 - + Em thích sản phẩm nào nhất? Vì sao?
 - + Em sẽ làm gì để thể hiện sự yêu quý trường lớp của mình?



- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

=> GV kết luận: *Trường, lớp là nơi chúng ta có rất nhiều kỉ niệm*

với thầy cô và bạn bè. Hãy trân trọng những khoảnh khắc khi ở bên nhau.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà tiếp tục giới thiệu về bức tranh sáng tạo về chủ điểm *Trường lớp thân yêu* với các thành viên trong gia đình.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò học sinh hoàn thành những nội dung chưa hoàn thành trên lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 3: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (tiếp)

(Tiết 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết cách tìm được số hạng chưa biết trong một tổng số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính). Vận dụng giải được các bài tập, bài toán thực tế có liên quan đến tìm phép cộng, phép trừ. Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp giải quyết vấn đề.

- HS tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi, vận dụng. Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- HS yêu thích học Toán.

- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành bài trong phần hoạt động và luyện tập sách giáo khoa trang 13.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh ai đúng để khởi động bài học.

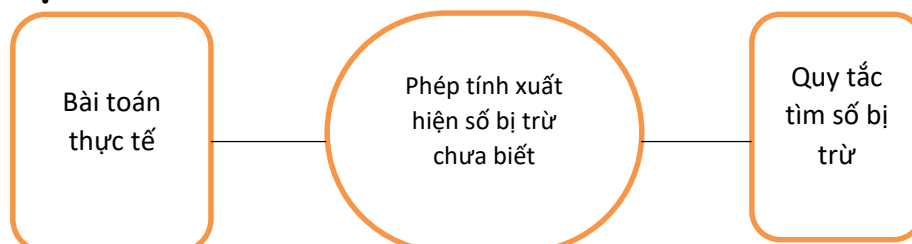
Số hạng	14	33		94	
Số hạng	7		12		38
Tổng		40	58	100	100

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Khám phá: Hướng dẫn học sinh tìm số trừ và số bị trừ trong phép tính chia (8 – 10')

Tìm số bị trừ.



- Từ bài toán thực tế (SGK), GV giúp HS đưa ra phép tính $\boxed{?} - 5 = 3$ (trong đó $\boxed{?}$ là số bị trừ cần tìm).

- Từ cách giải bài toán tìm số bị Việt có:

$3 + 5 = 8$ (viên), GV giúp HS nắm được quy tắc “Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ”.

GV lấy thêm ví dụ để củng cố thêm cho học sinh “quy tắc” tìm số bị trừ.

***Tìm số trừ.**

- Từ bài toán thực tế (SGK), GV giúp HS đưa ra phép tính $8 - \boxed{?} = 3$ (trong đó $\boxed{?}$ là số trừ cần tìm).

- Từ cách giải bài toán tìm số bị của Nam có: $8 - 3 = 5$ (viên), GV giúp HS nắm được quy tắc “Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu”.

- GV lấy thêm ví dụ để củng cố thêm cho học sinh “quy tắc” tìm số trừ.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2 ở phần hoạt động và bài 1, 2 ở phần luyện tập trang 13 sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc nhóm 2)

a) Tìm số bị trừ (theo mẫu).

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn cho HS tìm được số bị trừ (theo mẫu)

Mẫu: $\boxed{?} - 10 = 30$
 $30 + 10 = 40.$

$\boxed{?} - 20 = 40$
 $\boxed{?} - 12 = 25$
 $\boxed{?} - 18 = 42$

b) Tìm số trừ (theo mẫu)

- GV hướng dẫn cho HS tìm được số trừ (theo mẫu)

Mẫu: $30 - \boxed{?} = 20$
 $30 - 20 = 10.$

$50 - \boxed{?} = 10$
 $35 - \boxed{?} = 15$
 $51 - \boxed{?} = 18$

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Mẫu: $\boxed{?} - 10 = 30$
 $30 + 10 = 40.$

$\boxed{60} - 20 = 40$
 $\boxed{37} - 12 = 25$
 $\boxed{60} - 18 = 42$

Mẫu: $30 - \boxed{?} = 20$
 $30 - 20 = 10.$

$50 - \boxed{40} = 10$
 $35 - \boxed{20} = 15$
 $51 - \boxed{33} = 18$

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số:

- GV yêu cầu học sinh tìm được số bị trừ (chỉ cần nếu, viết số bị trừ thích hợp ở ô có dấu (?) trong bảng)
- GV hỏi HS vì sao em tìm được số bị trừ đó?
- GV cho HS làm việc cá nhân.

Số bị trừ	70	?	34	?	64
Số trừ	20	14	?	26	?
Hiệu	50	25	12	18	37

- GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Số bị trừ	70	39	34	44	64
Số trừ	20	14	22	26	27
Hiệu	50	25	12	18	37

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 1 (luyện tập): (Làm việc cá nhân).

- Yêu cầu HS tìm được số bị trừ rồi chọn câu trả lời đúng.

- HS nghe GV hướng dẫn, HS theo dõi và làm bài.

- Yêu cầu HS tìm được số trừ rồi chọn câu trả lời đúng.

- GV cho HS làm bài tập vào vở.

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng:

a) Biết số trừ là 36, hiệu là 25, số bị trừ là $36 + 25 = 61$

Chọn C.

b) Biết số bị trừ là 52, hiệu là 28, số trừ là $52 - 28 = 24$

Chọn C.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2: (Làm việc cá nhân).

- GV yêu cầu học sinh đọc yêu cầu bài toán:

- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải. GV hướng dẫn cho HS nắm được Số con vịt xuống ao bơi = Số con vịt lúc đầu – Số con vịt còn lại trên bờ.

- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.

- GV cho HS làm bài tập vào vở. HS lên bảng chữa bài và trình bày đáp án.

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án.

- GV khuyến khích học sinh tìm các câu lời giải hay và hợp lý.

Bài giải:

Số con vịt xuống ao bơi là

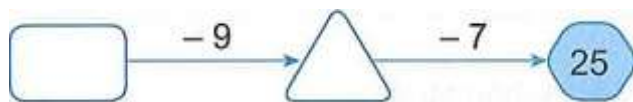
$$64 - 24 = 40 \text{ (con vịt)}$$

Đáp số: 40 con vịt

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Viết số thích hợp vào chỗ trống



- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 4: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được các phép nhân, chia trong bảng nhân 2, bảng chia 2 và vận dụng vào các bài luyện tập, thực hành, giải toán có lời văn. Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, hoạt động nhóm, tham gia trò chơi, vận dụng.

- HS có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- HS yêu thích học Toán.

- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 và bài 5 sách giáo khoa trang 14.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh ai đúng để khởi động bài học.

Số bị trừ	100	40		40	
Số trừ	10		7		15

Hiệu		20	13	9	15
------	--	----	----	---	----

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2.Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 23')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trang 14 sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?

- GV hướng dẫn cho HS cách làm 2 phép tính đầu ở bảng a và b.
- Yêu cầu học sinh thực hiện phép nhân, chia trong bảng nhân 2, chia 2 (đã học) vào vở.

a)

\times	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	2	4	?	?	?	?	?	?	?	20

b)

$:$	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1	2	?	?	?	?	?	?	?	10

- Yêu cầu HS trình bày và mời lớp nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng:

a)

x	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20


b)


:	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?


- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu trong dãy ở câu a và câu b vào vở


a) 

b) 

Điền HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau

V Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án



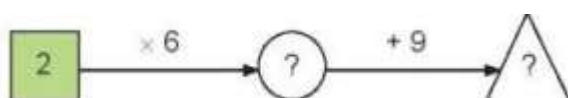


- GV hỏi HS vì sao lại điền được các số thích hợp ở ô có dấu “?” – HS giải thích.
Vì ở dãy câu a là dãy số tăng dần 2 đơn vị còn dãy số b là dãy số giảm dần 2 đơn vị

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số?

- GV mời HS nêu yêu cầu của bài
- GV cho HS làm bài tập vào vở.
- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.



- GV mời HS nêu cách làm.
- 1HS nêu: Ta thực hiện tính từ trái sang phải (nhẩm kết quả) rồi viết kết quả thích hợp ở ô có dấu “?”
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 4: bài toán.

- GV mời HS đọc bài toán
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- HS lên bảng chữa bài, HS phía dưới quá sát và nhận xét bài làm của bạn.
- GV Nhận xét, tuyên dương chốt đáp án đúng.

Bài giải

Số bàn học có học sinh ngồi là:

$$18 : 2 = 9 \text{ (bàn)}$$

Đáp số: 9 bàn học.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 5: bài toán.

- GV mời HS đọc bài toán
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- HS lên bảng chữa bài, HS phía dưới quá sát và nhận xét bài làm của bạn.
- GV Nhận xét, tuyên dương chốt đáp án đúng.

Bài giải

Số đồ vật tham gia thi đấu là:

$$2 \times 10 = 20 \text{ (đồ vật)}$$

Đáp số: 20 đồ vật.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi bắn tên, nội dung trò chơi:

+ Câu 1: $2 \times 7 = ?$

+ Câu 2: $16 : 2 = ?$

+ Câu 3: 9 đôi đũa có bao nhiêu chiếc đũa?

.....

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 4: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2, 5; BẢNG CHIA 2, 5 (tiếp) (Tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được các phép nhân, chia trong bảng nhân 5, bảng chia 5 và vận dụng vào các bài luyện tập, thực hành, giải toán có lời văn. Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

- HS tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, hoạt động nhóm, tham gia trò chơi, vận dụng.

- HS có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- HS yêu thích học Toán.

- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 sách giáo khoa

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

Nội dung trò chơi:

$$\begin{array}{lll} 2 \times 7 = \dots\dots\dots & 2 \times 3 = \dots\dots\dots & 2 \times 8 = \dots\dots\dots \\ 14 : 2 = \dots\dots\dots & 6 : 2 = \dots\dots\dots & 16 : 2 = \dots\dots\dots \end{array}$$

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 – 25')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2, 3, 4 trang 15 sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?

- GV mời HS nêu yêu cầu của bài

- Yêu cầu học sinh thực hiện phép nhân, chia trong bảng nhân 5, chia 5 (đã học) vào vở.

a)	Thừa số	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thừa số	1	2	3	4	5	6	7	8	10
	Tích	5	10	?	?	?	?	?	?	50

b)	Số bị chia	50	45	40	35	30	25	20	15	10	5
	Số chia	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thương	10	9	?	?	?	?	?	?	?	1

- HS lên bảng chữa bài, phía dưới quan sát và nhận xét.

- GV cho HS nhận xét hàng tích của câu a và hàng số bị chia ở câu b.

+ Hàng tích của câu a là dãy số cách đều 5 tăng dần

+ Hàng số bị chia của câu b là dãy số cách đều 5 giảm dần.

a)

Thừa số	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thừa số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tích	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50

b)

Số bị chia	50	45	40	35	30	25	20	15	10	5
Số chia	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thương	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2: (Làm việc nhóm đôi)

- Gọi 1 HS đọc đề bài bài 2.



- YC HS thảo luận nhóm đôi để tính kết quả mỗi phép tính (ở quả bưởi) và nối những quả bưởi cho vào mỗi sọt có ghi kết quả tương ứng của mỗi phép tính đó.

+ GV HD mẫu: Quả bưởi ghi “ $20:5$ ” cho vào sọt ghi số “4”

+ Sau đó cho biết sọt nào sẽ có nhiều quả bưởi nhất, ít quả bưởi nhất.

- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. + Đại diện nhóm trả lời:

- Câu a: Sọt ghi số “10” có 3 quả nên có nhiều quả bưởi nhất.

+ Câu b: Sọt ghi số “4” có 1 quả nên có ít quả bưởi nhất.

- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 3: (Làm việc cá nhân) $>$; $<$; $=$?

a) 2×5 ? 5×2 b) $18 : 2$? 10 c) 5×3 ? $20 : 2$

- GV mời HS nêu yêu cầu của bài

-YC HS tính nhằm tính kết quả của

các phép tính rồi so sánh 2 kết quả và điền dấu thích hợp vào ô có dấu “?” vào vở,

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương chốt đáp án đúng.

$$a. = \quad b. < \quad c. >$$

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 5: (Làm việc cá nhân) Bài toán:

- HS đọc yêu cầu đề bài.

-GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải.

- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng:

Bài giải

Số gạo nếp ở mỗi túi là:

$$50 : 5 = 10 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 10kg gạo nếp.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hái hoa dân chủ:

Nội dung trò chơi:

+ Câu 1: $5 \times 6 = ?$

+ Câu 2: $45 : 5 = ?$

+ Câu 3: Cửa hàng có 40kg gạo. Người ta chia đều số gạo đó vào 5 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 5: BẢNG NHÂN 3; BẢNG CHIA 3 (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hình thành được bảng nhân 3. Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 3. Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

- HS tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, hoạt động nhóm, tham gia trò chơi, vận dụng.

- HS có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- HS yêu thích học Toán.

- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành Bài 1, bài 2, bài 3 sách giáo khoa

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

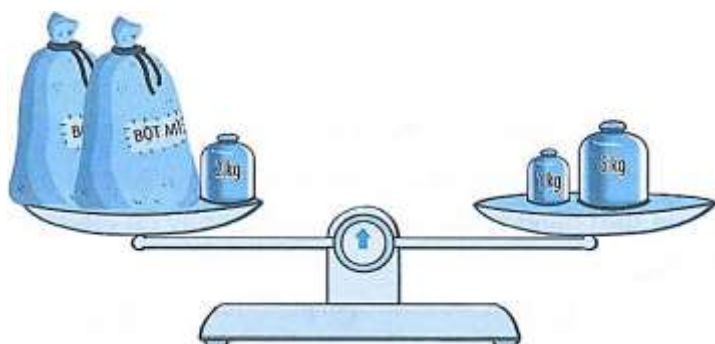
File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

Nội dung trò chơi: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Biết 2 túi bột mì có cùng cân nặng. Hỏi mỗi túi bột mì nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 3 kg B. 8 kg C. 2 kg
D. 4 kg

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Khám phá: Hướng dẫn học sinh hoàn thành bảng nhân 3 (8 – 10')

Khám phá: GV hướng dẫn HS cách tiếp cận

a. Cho HS quan sát xe xích lô và hỏi 1 xe xích lô có mấy bánh xe?

- Đưa bài toán: “Mỗi xe xích lô có 3 bánh xe. Hỏi 4 xe xích lô có bao nhiêu bánh xe?”

-GV hỏi:

+ Muốn tìm 4 xe xích lô có bao nhiêu bánh xe ta làm phép tính gì?

+ $3 \times 4 = ?$

-GV chốt: Qua bài toán, các em đã biết cách tính được một phép nhân trong bảng nhân 3 là $3 \times 4 = 12$.

b. GV yêu cầu HS tìm kết quả của phép nhân:

+ $3 \times 1 = ?$

+ $3 \times 2 = ?$

+ Nhận xét kết quả của phép nhân 3×1 và $3 \times 2 \Rightarrow$ Thêm 3 vào kết quả của 3×1 ta được kết quả của 3×2

+ Thêm 3 vào kết quả của 3×2 ta được kết quả của 3×3 . YC HS hoàn thành bảng nhân 3:

- HS viết các kết quả còn thiếu trong bảng để hoàn thành bảng nhân 3.

- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt kết quả bảng nhân đúng.

Bảng nhân 3	
3×1	$= 3$
3×2	$= 6$
3×3	$= ?$
3×4	$= ?$
3×5	$= ?$
3×6	$= ?$
3×7	$= ?$
3×8	$= ?$
3×9	$= ?$
3×10	$= 30$

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2, 3 trang 16, 17 sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?

- GV mời 1 HS nêu YC của bài.

- Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân

Thừa số	3	3	3	3	3	3
Thừa số	2	3	5	7	9	10
Tích	6	?	?	?	?	?

3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.

- Chiều vở của HS và mời lớp nhận xét

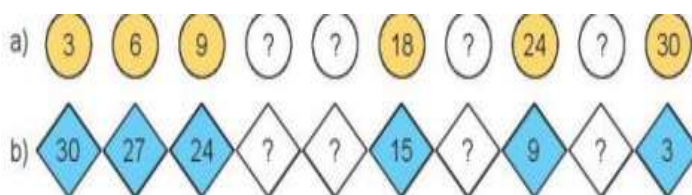
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Thừa số	3	3	3	3	3	3
Thừa số	2	3	5	7	9	10
Tích	6	9	15	21	27	30

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?

- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài



- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu ở câu a và câu b

- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV gọi HS giải thích cách tìm các số còn thiếu.

- 1HS giải thích: Vì ở dãy câu a là dãy số tăng dần 3 đơn vị còn dãy số b là dãy số giảm dần 3 đơn vị

- GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

a. 12; 15; 21; 27

b. 21; 18; 12; 6

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 3: (Làm việc cá nhân) Bài toán:

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải.
- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh tìm các câu lời giải hợp lý.

Bài giải

Số người ở 6 bàn đấu cờ vua là:

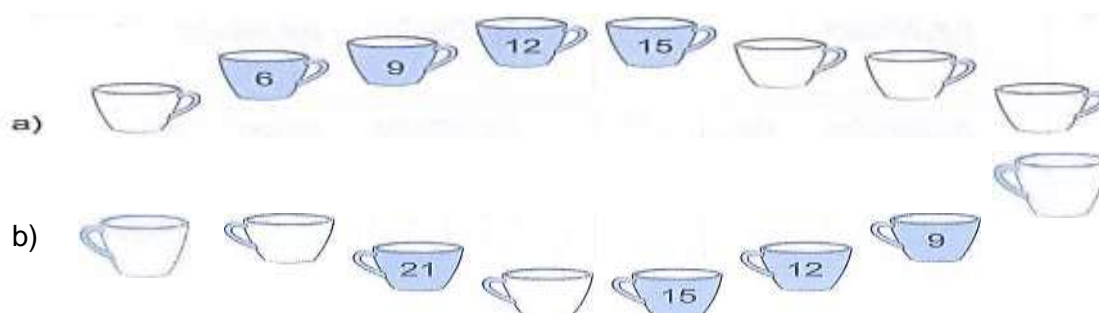
$$3 \times 6 = 18 \text{ (người)}$$

Đáp số: 18 người.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Số?



- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

BÀI 5: BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3 (Tiết 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hình thành được bảng chia 3. Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 3 và bảng chia 3. Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

- HS tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, hoạt động nhóm, tham gia trò chơi, vận dụng.
- HS có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành Bài 1, bài 2 (hoạt động) và bài 1, bài 2 (luyện tập) sách giáo khoa

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

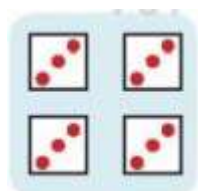
Nội dung trò chơi: Số ?

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3									

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Khám phá: Hướng dẫn học sinh hoàn thành bảng chia 3 (8 – 10')

- Cho HS quan sát hình và yêu cầu HS nêu phép tính tính số chấm tròn trong hình?



- Đưa bài toán: “Có tất cả 12 chấm tròn chia vào các tấm bìa, mỗi tấm bìa có 3 chấm tròn. Vậy ta chia vào bao nhiêu tấm bìa như thế?”
- GV hỏi:

+ Muốn tìm số tâm bìa ta làm phép tính gì?

$$+ 12 : 3 = ?$$

- Từ phép nhân $3 \times 4 = 12$, suy ra phép chia $12 : 3 = 4$

- GV hỏi: Từ bảng nhân 3, tìm kết quả phép chia $3 : 3 = ?$

+ Từ bảng nhân 3, tìm kết quả phép chia $6 : 3 = ?$

- Từ phép chia $12 : 3 = 4$, dựa vào bảng nhân 3 đã học yêu cầu HS tìm kết quả các phép chia còn lại trong bảng chia 3.

-HS nghe và viết các kết quả còn thiếu trong bảng.

-GV nhận xét, tuyên dương

3.Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, 2 (hoạt động) và bài tập 1, 2 (luyện tập) trang 18 sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?

- GV mời 1 HS nêu YC của bài

- Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở.

Số bị chia	6	12	15	21	24	30
Số chia	3	3	3	3	3	3
Thương	2	?	?	?	?	?

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

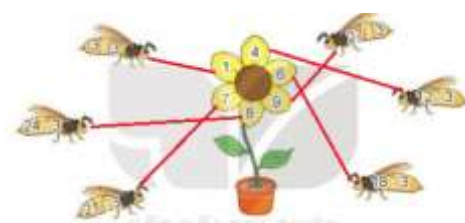
Bài 2: (Làm việc cá nhân) Chọn kết quả cho mỗi phép tính.

- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài

- Yêu cầu HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập



- HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập



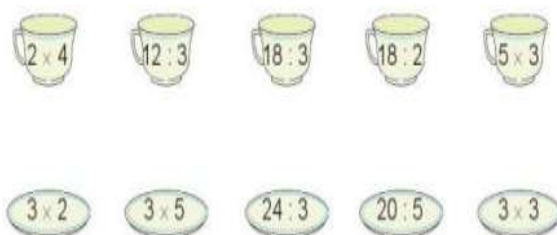
- GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 1: (Làm việc nhóm đôi) Chọn kết quả cho mỗi phép tính.

- Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tính nhẩm kết quả mỗi phép tính ở các chén hoặc ở các đĩa, rồi so sánh kết quả các phép tính sau đó nối 2 phép tính có cùng kết quả.
- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện vào phiếu học tập.



- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV hỏi:
 - + Trong các phép tính ở các chén, phép tính nào có kết quả lớn nhất?
 - + Trong các phép tính ở các đĩa, phép tính nào có kết quả bé nhất?
- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.



Bài 2: (Làm việc cá nhân) Bài toán:

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải.
- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh tìm các câu lời giải hợp lý.

Bài giải

Số que tính ở mỗi bó là:

$$30 : 3 = 10 \text{ (que tính)}$$

Đáp số: 10 que tính.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

4.Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
1									

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Số?
- GV nhận xét tiết học,

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

TOÁN CÙNG CỘ**ÔN TẬP: BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (tiết 4)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Thực hiện được các phép nhân 2; 5, chia được phép chia 2; 5, và vận dụng vào được thực tiễn.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành bài tuần 2 trong sách Luyện tập Toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1.Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

Nội dung trò chơi:

$$\begin{array}{llll}
 6 \times 5 = & 18 : 2 = & 5 \times 3 = & 35 : 5 = \\
 14 : 2 = & 5 \times 9 = & 20 : 5 = & 2 \times 8 =
 \end{array}$$

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2.Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 23')

Hướng dẫn học sinh làm bài tập, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 5. (Làm việc cá nhân) Điền dấu thích hợp vào chỗ trống:

$$2 \times 5 \dots 40 : 5 \qquad 50 : 5 \dots 2 \times 3 \qquad 9 \times 2 \dots 5 \times 4$$

$$5 \times 6 \dots 2 \times 10 \qquad 45 : 5 \dots 3 \times 3 \qquad 8 \times 2 \dots 5 \times 8$$

- GV hướng dẫn cho HS hoàn thành bảng.
- HS điền dấu thích hợp vào ô chỗ chấm.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 9: (Làm việc nhóm 2) Điền dấu phép tính \times , $:$, $+$, $-$ thích hợp vào ô trống:

$$5 \dots 8 \dots 60 = 100 \qquad 3 \dots 7 \dots 19 = 40$$

$$30 \dots 3 \dots 5 = 2 \qquad 6 \dots 3 \dots 2 = 8$$

- GV yêu cầu học sinh hoàn thành phép tính đúng vào bảng.
- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV Nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 11: (Làm việc cá nhân) Bài toán:

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải.
- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh tìm các câu lời giải hợp lý.

Bài giải

Trên xe có số khách ngồi trên ghế là:

$$8 \times 3 = 24 \text{ (khách)}$$

Đáp số: 24 khách

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 12: (Làm việc cá nhân) Bài toán:

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải.
- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh tìm các câu lời giải hợp lý.

Bài giải

Có tất cả số túi ngô là:

$$30 : 3 = 10 \text{ (túi)}$$

Đáp số: 10 túi

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: nội dung trò chơi bài 10 sách luyện tập toán..
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực trong giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

.....

TOÁN TƯ DUY

CHỦ ĐỀ 1: SỐ VÀ CẤU TẠO SỐ SO SÁNH DỰA VÀO CẤU TẠO SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS biết được cách so sánh số tự nhiên.
- HS biết so sánh số dựa vào cấu tạo số.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng. Nội dung bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

Nội dung trò chơi: Viết các số sau thành tổng

- a) Các trăm, chục, đơn vị:

$$678 = \dots\dots\dots \overline{abc} = \dots\dots\dots$$

$$490 = \dots\dots\dots \overline{a0c} = \dots\dots\dots$$

$$805 = \dots\dots\dots \overline{ab0} = \dots\dots\dots$$

b) Các chục và đơn vị

$$678 = \dots\dots\dots \overline{abc} = \dots\dots\dots$$

$$490 = \dots\dots\dots \overline{a0c} = \dots\dots\dots$$

$$805 = \dots\dots\dots \overline{ab0} = \dots\dots\dots$$

- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Khám phá: Hướng dẫn học sinh cách so sánh dựa vào cấu tạo số (8 – 10')

Nội dung bài toán: Ví dụ 5: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm

a) $3 \times 100 + 9 \times 10 + 8 \dots\dots\dots 397$

b) $\overline{a43} + \overline{4b6} + \overline{25c} \dots\dots \overline{abc} + 700$

- HS thảo luận nhóm 4 để tìm ra cách giải

- HS trình bày kết quả của mình.

- GV hướng dẫn học sinh cách làm tuần tự từng bước:

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } \overline{a43} + \overline{4b6} + \overline{25c} &= \overline{a00} + 43 + 406 + \overline{b0} + 250 + c \\ &= \overline{a00} + \overline{b0} + c + 43 + 406 + 250 \\ &= \overline{abc} + 699 \end{aligned}$$

Vậy: $\overline{a43} + \overline{4b6} + \overline{25c} < \overline{abc} + 700$

- GV lấy thêm ví dụ để củng cố kiến thức vừa học.

* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hiểu thêm nội dung kiến thức.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15')

Hướng dẫn học sinh hoàn thành bài sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. Điền các chữ số thích hợp vào dấu *:

a) $285 > \overline{28*}$

b) $866 < *56*56$

c) $327 > \overline{3*7}$

d) $*98 > 796$

e) $564 < \overline{5*4}$

g) $666 > *67$

- HS đọc yêu cầu đề bài.

-GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.

- HS đọc đề, phân tích đề.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 2. Điền dấu (<; >; -) thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{ccc} 536 & \dots\dots & 583 \\ \overline{ab1} & \dots\dots & \overline{ab5} \\ \overline{8ab} & \dots\dots & \overline{7ab} \\ \overline{a8b} & \dots\dots & \overline{a7b} \end{array}$$

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.
- HS đọc đề, phân tích đề.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 3: Không cần tính kết quả cụ thể, hãy so sánh hai tổng A và B, biết:

$$A = 198 + 26 + 574 + 32 + 10 \quad \text{và} \quad B = 530 + 124 + 92 + 76 + 18$$

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.
- HS đọc đề, phân tích đề.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

Điền dấu (<; >; =) thích hợp vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{ll} \text{a) } \overline{6a} + \overline{a7} \dots\dots \overline{aa} + 68 & \text{b) } \overline{1a2} + \overline{a30} + \overline{41a} \dots\dots \overline{aaa} + 540 \end{array}$$

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực trong giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY

CHỦ ĐỀ 1: SỐ VÀ CẤU TẠO SỐ

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS biết được cách so sánh số tự nhiên, lập số theo điều kiện cho trước....
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** HS M1,2,3 hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng. Nội dung bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn học sinh lớp 3.

Nội dung trò chơi: Viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số thỏa mãn điều kiện:

- a) Chữ số hàng trăm và hàng đơn vị là 1.
 - b) Chữ số hàng chục và hàng đơn vị là 8.
 - c) Chữ số hàng trăm là 5, chữ số hàng chục và hàng đơn vị giống nhau
- GV Nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.
 - GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học, dẫn dắt giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

Hướng dẫn học sinh hoàn thành bài sách giáo khoa, kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. Cho các chữ số 0; 3; 5; 8. Hãy viết:

- a) **Tất cả các số tự nhiên có hai chữ số khác nhau lớn hơn 50.**
- b) **Tất cả các số tự nhiên có ba chữ số khác nhau nhỏ hơn 385.**
- c) **Số tự nhiên lớn nhất có hai chữ số khác nhau.**
- d) **Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số khác nhau.**

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.
- HS đọc đề, phân tích đề.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.

*** Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.**

Bài 2. Cho các chữ số: 0; 1; 4; 7; 9.

- a) Viết số chẵn lớn nhất có ba chữ số từ các chữ số trên.
 b) Viết số lẻ bé nhất có ba chữ số khác nhau từ các chữ số trên.
 c) Viết số bé nhất có ba chữ số và tích các chữ số bằng 28

- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.
- HS đọc đề, phân tích đề.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

Bài 3. Viết tất cả các số tự nhiên có hai chữ số khác nhau, biết tổng các chữ số của số đó bằng 9 và hiệu các chữ số của nó bằng 1.

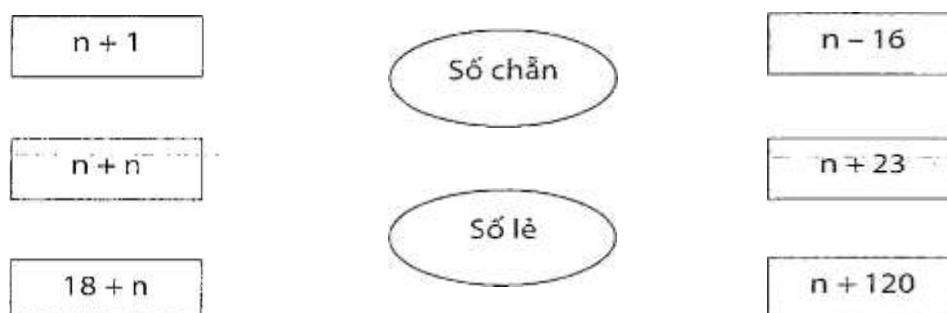
- HS đọc yêu cầu đề bài.
- GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: nêu cách giải.
- HS đọc đề, phân tích đề.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV khuyến khích học sinh làm bài nhanh và giải thích nhanh.
- * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 hoàn thành bài tập.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

Trong các số sau, số nào là số lẻ? Số nào là số chẵn? (Biết rằng n là số chẵn và $n > 16$).

Nói một cách thích hợp.



- GV nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực trong giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....

KÝ DUYỆT TỔ KHỐI

NGƯỜI THỰC HIỆN

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thùy Dung A

KÝ DUYỆT BGH

Doãn Thị Cúc